

LUẬN ĐẠI THỪA A-TỶ-ĐẠT-MA TẬP

QUYỂN 6

PHẨM 2: PHÁP TRONG PHẦN QUYẾT TRẠCH

Thế nào là pháp quyết trạch? Pháp là mười hai phần thánh giáo, mười hai phần là:

1. Khế kinh.
2. Ứng tụng.
3. Ký biệt.
4. Phúng tụng.
5. Tự thuyết.
6. Duyên khởi.
7. Thí dụ.
8. Bốn sự.
9. Bản sanh.
10. Phương quảng.
11. Hy pháp.
12. Luận nghị.

Thế nào là Khế kinh? Là dùng văn xuôi sắp xếp để nói lược những nghĩa phải nói. Như lai quán sát mười thứ thắng lợi, văn xuôi lược nêu các pháp, là dễ có thể kiến lập, dễ có thể giảng nói, dễ có thể thọ trì, vì cung kính pháp, tư lương Bồ-đề mau chóng được tròn đầy, mau chóng có thể thông đạt thật tánh các pháp, đối với những gì chư Phật đã chứng, phát tịnh tín, đối với chỗ chứng đắc tịnh tín của pháp tăng, tiếp xúc thì chứng hiện pháp lạc trụ bậc nhất, bàn luận quyết định lựa chọn thích hợp trí là tâm, đạt được thông tỏ, tinh túy sáng suốt là tâm sở.

Thế nào là Ứng tụng? Tức là trong các kinh, ở giữa kinh hoặc sau kinh dùng tụng để lặp lại. Lại nữa, kinh bất liễu nghĩa còn dùng tụng để giải thích, nên gọi là ứng tụng.

Thế nào là Ký biệt? Là trong kinh đó các thánh đệ tử ghi lại trong quá khứ các chỗ sinh khác nhau được mất. Lại nữa, kinh liễu nghĩa nói

về ký biệt, là ký biệt khai thị các ý sâu kín.

Thế nào là Phúng tụng? Là trong các kinh dùng câu ngắn để giảng nói, hoặc dùng hai câu, hoặc ba câu, hoặc bốn, hoặc năm hoặc sáu.

Thế nào là Tự thuyết? Là trong các kinh, hoặc Như Lai có khi vui vẻ tự nói.

Thế nào là Duyên khởi? Là do thừa thĩnh mà nói. Lại có nhân duyên chế lập học xứ mà nói, cũng gọi là duyên khởi.

Thế nào là Thí dụ? Là trong các kinh có khi nói về các trường hợp so sánh.

Thế nào là Bổn sự? Là trong các kinh nói các sự tương ứng nơi đời trước của các thánh đệ tử.

Thế nào là Bản sanh? Là trong các kinh tuyên với các sự tương ứng của tạng Bồ-tát bổn hạnh.

Thế nào là Phương quảng? Là trong các kinh ngôn thuyết tương ứng của tạng Bồ-tát. Như gọi là phương quảng, tức cũng gọi là quảng phá, cũng gọi là vô tỷ.

Vì sao gọi là Phương quảng? Là vì chỗ nương dựa đem lại lợi ích an vui cho tất cả hữu tình, mà nêu pháp rộng lớn sâu xa. Vì sao gọi là Quảng phá? Vì có thể rộng phá tất cả chướng. Vì sao gọi là vô tỷ? Vì không có pháp nào sánh bằng.

Thế nào là Hy pháp? Hoặc trong kinh đó tuyên nói Thanh văn, các đại Bồ-tát và Như lai là hy pháp ít có, là pháp rất kỳ đặc.

Thế nào là luận nghị? Hoặc trong kinh đó không điền đảo giải thích tất cả tướng pháp sâu xa.

Mười hai phần thánh giáo như kệ kinh v.v... như vậy là thuộc về ba tạng.

- Ba tạng là:

1. Tạng Tô-đát-lãm.
2. Tạng Tỳ-nại-da.
3. Tạng A-tỳ-đạt-ma.

- Tạng này lại có hai thứ:

1. Tạng Thanh văn.
2. Tạng Bồ-tát.

Kệ kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, năm loại này trong tạng Thanh văn, thuộc về tạng Tô-đát-lãm.

Duyên khởi, Thí dụ, Bổn sự, Bản sanh, bốn loại này thì trong hai tạng, thuộc về tạng Tỳ-nại-da và quyển thuộc.

Phương quảng và Hy pháp, hai loại này trong tạng Bồ-tát, thuộc

về tạng Tô-đát-lãm.

Luận nghị, một loại này trong tạng Thanh văn và tạng Bồ-tát, thuộc về tạng A-tỳ-đạt-ma.

Vì sao Như Lai lập ra ba tạng? Vì muốn đối trị tùy phiền não nghi, nên lập ra tạng Tô-đát-lãm. Vì muốn đối trị tùy phiền não thọ dụng hai bên nên lập ra tạng Tỳ-nại-da. Vì muốn đối trị tùy phiền não tự kiến thủ chấp nên lập ra tạng A-tỳ-đạt-ma.

Lại nữa, vì muốn khai thị ba thứ học nên lập ra tạng Tô-đát-lãm. Vì muốn thành lập giới học tăng thượng, tâm học tăng thượng nên lập ra tạng Tỳ-nại-da. Vì muốn lập ra tuệ học tăng thượng nên lập ra A-tỳ-đạt-ma tạng.

Lại nữa, vì muốn khai thị nghĩa của chánh pháp nên lập ra tạng Tô-đát-lãm. Vì hiển bày pháp nghĩa để tác chứng xứ an túc nên lập ra tạng Tỳ-nại-da. Vì khiến cho luận nghị của bậc trí được quyết đoán, trụ trong thọ dụng pháp lạc nên lập ra tạng A-tỳ-đạt-ma.

Như vậy sự thâm nhiếp các pháp của ba tạng là sở hành của ai? Là hành của pháp tâm, tâm sở do văn, tư, tu tạo thành. Như khế kinh nói: “Các tâm, pháp tâm sở có sở duyên, có hành tướng, có chỗ nương và tương ứng”. Các pháp kia đối với pháp này sở duyên là gì? Là khế kinh... Tạo hành tướng gì? Là nghĩa tương ứng với uẩn... Làm chỗ nương cho gì? Vì kẻ khác biểu hiện sự nhớ rõ về tập khí.

Thế nào là tương ứng? Là giúp đỡ lẫn nhau, đối với hành tướng sở duyên bình đẳng hiểu rõ.

Thế nào là đối với pháp sở duyên sai khác ?

- Nếu nói lược thì có bốn thứ:

1. Biến mãn sở duyên.
2. Tịnh hạnh sở duyên duyên.
3. Thiệt xảo sở duyên duyên.
4. Tịnh hoặc sở duyên duyên.

- Biến mãn sở duyên duyên có bốn thứ:

1. Hữu phân biệt ảnh tượng sở duyên duyên.
2. Vô phân biệt ảnh tượng sở duyên duyên.
3. Sự biên tế sở duyên duyên.
4. Sở tác thành tựu sở duyên duyên.

Có phân biệt ảnh tượng sở duyên duyên, là do tác ý thắng giải, là tất cả cảnh giới sở duyên duyên của Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Không phân biệt ảnh tượng sở duyên duyên, là do tác ý chân thật, là tất cả cảnh giới sở duyên của Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Sự biên tế sở duyên, là tánh tận tất cả tánh, như tất cả tánh. Tánh tận tất cả là uẩn, giới, xứ, như tất cả tánh là bốn Thánh đế mười sáu hành tướng. Chân như tất cả hành Vô thường, tất cả Khổ hành, tất cả pháp Vô ngã, Niết-bàn vắng lặng không, Vô nguyện, Vô tướng.

Sở tác thành tựu sở duyên, là chuyển y, như vậy chuyển y là không thể nghĩ bàn. Trong mười sáu hành tướng. Không thâm nhiếp bao nhiêu hành tướng? Thâm nhiếp hai hành tướng. Vô nguyện thâm nhiếp bao nhiêu hành tướng? Thâm nhiếp sáu hành tướng. Vô tướng thâm nhiếp bao nhiêu hành tướng? Thâm nhiếp tám hành tướng.

- Tịnh hạnh sở duyên lại có năm thứ:

1. Đa tham hạnh, là duyên cảnh bất tịnh.

2. Đa sân hạnh, là duyên cảnh tu từ.

3. Đa si hạnh, là duyên các cảnh duyên khởi của chúng duyên tánh.

4. Kiêu mạn hạnh, là duyên giới cảnh sai khác.

5. Tầm tư hạnh, là duyên cảnh niệm hơi thở ra vào.

- Thiện xảo sở duyên cũng có năm thứ:

1. Uẩn thiện xảo.

2. Giới thiện xảo.

3. Xứ thiện xảo.

4. Duyên khởi thiện xảo.

5. Xứ phi xứ thiện xảo.

Xứ phi xứ thiện xảo phải làm thế nào để quán? Phải như duyên khởi thiện xảo mà dùng lấy các pháp nhuần thấm các pháp khiến lia vô nhân nhân bất, bình đẳng sinh ra, thì nhân quả của duyên khởi thiện xảo là tương xứng, vì nhiếp thọ sinh là xứ phi xứ thiện xảo.

Tịnh hoặc sở duyên, là tánh thô của địa cội dưới và tánh tịnh của địa cội trên. Chân như và bốn Thánh đế gọi là tịnh hoặc sở duyên.

Nếu muốn đối với pháp siêng năng quán sát kỹ, thì do bao nhiêu đạo lý mới có thể quán sát đúng? Do bốn Đạo lý:

1. Đạo lý quán đãi.

2. Đạo lý tác dụng.

3. Đạo lý chứng thành.

4. Đạo lý pháp nhĩ.

Thế nào là đạo lý quán đãi? Là khi các hạnh sinh khởi thì phải đợi nhiều duyên.

Thế nào là đạo lý tác dụng? Là các pháp dị tướng mỗi pháp đều có tác dụng riêng.

Thế nào là đạo lý chứng thành? Là chứng thành nghĩa đáng thành, nói các lượng không trái với ngữ.

Thế nào là đạo lý pháp nhĩ? Là từ vô thỉ đến nay, thường ở trong pháp sở trụ của tự tướng và cộng tướng, nên tất cả thành tựu pháp tánh pháp nhĩ.

Chánh cần quán sát trong các pháp, làm sao đối với pháp khởi tâm tư?

- Là khởi bốn thứ tâm tư:

1. Danh tâm tư.
2. Sự tâm tư.
3. Tự thể giả lập tâm tư.
4. Sai khác giả lập tâm tư.

Thế nào là danh tâm tư? Là suy tìm tự tướng danh thân cú thân văn thân của các pháp đều không thành thật.

Thế nào là sự tâm tư? Là suy tìm các tướng uẩn giới xứ của các pháp không thành thật.

Thế nào là tự thể giả lập tâm tư? Là suy tìm tự thể trong năng thuyên, sở thuyên tương ứng của các pháp, chỉ là giả lập tánh nhân của danh ngôn. Thế nào là sai khác giả lập tâm tư? Là suy tìm sai khác trong năng thuyên và sở thuyên tương ứng của các pháp, chỉ là giả lập nhân tánh của danh ngôn.

Đối với pháp chánh cần đã tu tâm tư rồi, thế nào là đối với pháp khởi trí như thật?

- Là khởi bốn thứ trí như thật:

1. Danh tâm tư sở dẫn trí như thật.
2. Sự tâm tư sở dẫn trí như thật.
3. Tự thể giả lập tâm tư sở dẫn trí như thật.
4. Sai khác giả lập tâm tư sở dẫn trí như thật.

Thế nào là danh tâm tư sở dẫn trí như thật? Là trí biết như thật về danh không thật có. Thế nào là sự tâm tư sở dẫn trí như thật? Là trí biết như thật sự tướng cũng không thể thủ đắc. Thế nào là tự thể giả lập tâm tư sở dẫn trí như thật? Là trí như thật biết thật có tự tánh là không thật có. Thế nào là sai khác giả lập tâm tư sở dẫn trí như thật? Là trí như thật biết thật có sai khác không thật có. Người nương vào pháp siêng tu Tam-ma-địa, thì du-già địa làm sao biết được?

- Có năm thứ:

1. Trì.
2. Tác.

3. Kinh (gương).
4. Minh.
5. Y.

Thế nào là trí? Là đã chứa nhóm tư lương Bồ-đề, đối với các vị như Noãn tất cả đa văn nơi các Thánh đế. Thế nào là tác? Là duyên cảnh này mà tác ý như lý. Thế nào là cảnh (gương)? Là duyên nơi cảnh của Tam-ma-địa hữu tướng. Thế nào là minh? Là trí vô sở đắc của năng thủ sở thủ. Nương vào đạo lý này, đức Phật Bạc-già-phạm khéo nói:

*Bồ-tát ở vị định,
Quán ảnh chỉ là tâm,
Nghĩa tướng đã dứt trừ,
Quán kỹ chỉ tự tướng.
Như vậy trụ nội tâm,
Biết sở thủ chẳng có,
Kế, năng thủ cũng không,
Sau, xúc vô sở đắc.*

Thế nào là dựa vào? Là chuyển y, lìa bỏ các thô nặng mà đắc chuyển y thanh tịnh. Trong các pháp, thế nào là pháp thiện xảo? Là học rộng. Thế nào là nghĩa thiện xảo? Là trong A-tỳ-đạt-ma, Tỳ-nại-da khéo biết tướng của nó.

Thế nào là văn (văn tự) thiện xảo? Là khéo biết các văn từ giải thích chỉ dạy. Thế nào là từ (ngôn từ) thiện xảo? Là có thể khéo biết về ngã, ngã sở v.v... đối với ngôn từ của thế tục không chấp trước, vì thuận theo mà nói. Thế nào là mật ý thiện xảo ở đời trước và đời sau? Là có thể khéo biết đối với đời trước thì lãnh thọ, đối với đời sau thì xuất ly.

Đối với các pháp, thế nào là trụ pháp? Nếu không đắc tu tuệ, chỉ có phương tiện cần (tinh tiến) tu tập văn, tư thì không gọi là trụ pháp. Nếu không đắc văn, tư mà chỉ có phương tiện cần tu tập tu tuệ, cũng không gọi là trụ pháp. Nếu đồng thời đạt được hai thứ phương tiện và an trụ mới gọi là trụ pháp. Nếu chỉ đối với pháp thọ trì đọc tụng, giảng nói cho người khác nghe, tư duy về nghĩa, thì đó là văn tư. Nếu tu Tam-ma-địa phương tiện, thấy không đủ, thì gọi đó là tu tuệ. Tam-ma-địa phương tiện: Là phương tiện vô gián ân trọng và phương tiện vô đảo. Không biết đủ, là không sinh nhiếp chấp vị khi tu Xa-ma-tha phương tiện ở cõi trên.

Vì sao chỉ có một phần Phương quảng được gọi là tạng Bồ-tát Ba-la-mật-đa? Vì trong phần này nói rộng tất cả số, tướng, thứ lớp, giải thích từ, tu tập sai khác, thâm nhiếp, đối trị, công đức, quyết đoán lẫn

nhau của Ba-la-mật-đa.

Vì sao phần phương quảng gọi là rộng lớn sâu xa? Là do tánh của nhất thiết chủng trí rộng lớn sâu xa.

Vì sao một phần chúng sinh đối với rộng lớn sâu xa của phần phương quảng không sinh thẳng giải, lại có tâm kinh sợ? Vì xa lìa pháp tánh, chưa gieo trồng gốc lành, bạn ác dẫn dắt.

Vì sao một phần chúng sinh đối với rộng lớn sâu xa của phần phương quảng tuy sinh thẳng giải nhưng không xuất ly? Vì do an trụ sâu trong tự kiến thủ, thường chấp chặt nghĩa như ngôn từ. Nương vào mật ý này mà đức Bạc-già-phạm trong kinh Đại Pháp nói những lời như vậy: “Nếu các Bồ-tát chỉ y theo ngôn từ mà lấy nghĩa, không bằng chánh lý để tư duy, chọn lựa pháp, liền sinh hai mươi tám thứ không chánh kiến”.

Hai mươi tám thứ không chánh kiến là:

1. Kiến tướng.
2. Kiến tổn giảm thi thiết.
3. Kiến tổn giảm phân biệt.
4. Kiến tổn giảm chân thật.
5. Kiến nhiếp thọ.
6. Kiến chuyển biến.
7. Kiến vô tội.
8. Kiến xuất ly.
9. Kiến khinh hủy.
10. Kiến phần phát.
11. Kiến điên đảo.
12. Kiến xuất sinh.
13. Kiến bất lập tông.
14. Kiến kiểu loạn.
15. Kiến kính sư.
16. Kiến vững chắc ngu si.
17. Kiến căn bản.
18. Kiến thấy nội không thấy.
19. Kiến xả phương tiện.
20. Kiến bất xuất ly.
21. Kiến chương tăng ích.
22. Kiến sinh phi phước.
23. Kiến vô công quả.
24. Kiến thọ nhục.
25. Kiến phỉ báng.

26. Kiến bất khả dữ ngôn.
27. Kiến rộng lớn.
28. Kiến tăng thượng mạn.

Như phần Phương Quảng nói: “Tất cả các pháp đều không có tự tánh. Nương vào mật ý gì mà nói ? Là tánh không tự nhiên, tánh không tự thể, tự thể vô trụ, vô như ngu phu sở thủ tướng tánh. Lại nữa, đối với tự tánh Biến kế sở chấp thì do tướng vô tánh, đối với tự tánh Y tha khởi thì do sinh vô tánh, đối với tự tánh Viên thành thật thì do thắng nghĩa vô tánh.

Lại nữa, phần phương quảng nói: “Tất cả các pháp vô sinh vô diệt, xưa nay vắng lặng tự tánh Niết-bàn”. Nương vào mật ý gì mà nói? Như không tự tánh, không sinh cũng vậy. Như vô sinh, không diệt cũng vậy. Như vô sinh không diệt, xưa nay vắng lặng cũng vậy. Như xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn cũng vậy.

Lại nữa, có bốn thứ ý thú, do ý thú này nên tất cả ý thú trong phần phương quảng chư Như lai phải thuận theo để quyết định rõ. Thế nào là bốn ý thú:

1. Bình đẳng ý thú.
2. Biệt thời ý thú.
3. Biệt nghĩa ý thú.
4. Bồ-đặc-già-la ý lạc ý thú.

Lại nữa, có bốn thứ bí mật, do bí mật này nên tất cả bí mật trong phần Phương quảng các Đức Như lai phải thuận theo để quyết định rõ bốn thứ bí mật:

1. Khiến nhập bí mật.
2. Tướng bí mật.
3. Đối trị bí mật.
4. Chuyển biến bí mật.

Lại nữa, trong phần Phương quảng, đối với pháp Tam-ma-địa thiện xảo Bồ-tát tướng, làm sao biết được? Là do năm thứ nhân:

1. Sát-na sát-na tiêu trừ tất cả chỗ nương thô nặng.
2. Xuất ly các thứ tướng đạt được pháp lạc ưa thích.
3. Biết rõ vô lượng tướng vô phân biệt.
4. Thuận theo phần thanh tịnh nơi tướng vô phân biệt thường hiện ở trước.

5. Có thể nhiếp thọ nhân chuyển thượng chuyển thắng thành tựu viên mãn, nhận pháp thân Phật .

Tạng pháp Thanh văn và tạng pháp Bồ-tát là chỗ lưu xuất từ pháp

thân Như lai, vì sao dùng hương, hoa, tràng hoa... cung kính cúng dường tạng pháp Bồ-tát? Vì sinh khởi vô biên nhóm phước rộng lớn không phải là tạng pháp Thanh văn. Vì tạng pháp Bồ-tát là nơi nương tựa của mọi lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, là có thể kiến lập đại nghĩa, là chốn sinh của vô lượng đại công đức nhóm vô thượng.
